

THÔNG BÁO

Luồng đường thủy nội địa địa phương thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 12 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của 2198/BC-TTQLĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Trung tâm Quản lý Đường thủy về kết quả khảo sát thường xuyên luồng đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 12 năm 2024;

Sở Giao thông vận tải thông báo luồng đường thủy nội địa địa phương thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tên luồng: Luồng đường thủy nội địa địa phương.

2. Khu vực có bãi cạn, tình huống đột xuất

a) Các khu vực có bãi cạn cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

b) Các tình huống đột xuất:

- Tuyến Rạch Môn - Sông Kinh: đoạn từ km00+450 đến km00+750 hiện đang thi công cầu thuộc gói thầu CW2 - thuộc dự án vành đai 3 Thành Phố Hồ Chí Minh phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế; cấm luồng đoạn từ km00+650 đến km00+950 phục vụ thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng Cầu Nước Đục 3 của gói thầu XL1 thuộc dự án xây dựng Vành Đai 3.

3. Tình hình mực nước luồng đường thủy nội địa địa phương được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo Thông báo này.

4. Tình hình luồng đường thủy nội địa địa phương được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này.

5. Những điều cần lưu ý:

5.1. Phương tiện lưu thông cần lưu ý các thông tin tại Báo cáo này và chú ý đến điều kiện luồng tuyến, địa hình thực tiễn các khu vực tại thời điểm lưu thông, các lưu ý cụ thể:

- Tuyến Rạch Láng The - Bến Mương, Kênh Địa phận thi đang công công trình nâng cấp, mở rộng và nạo vét kênh trục tiêu thoát nước huyện Củ Chi do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ đầu tư phương tiện lưu thông trên 2 tuyến bị hạn chế;

- Tuyến Rạch Tra tại km08+200 đang thi công cầu Xáng vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, hạn chế luồng từ km08+600 đến km09+800;

- Tuyến Kênh Xáng An Hạ - kênh Xáng Lý Văn Mạnh: từ km00+000 đến km10+001 đang thi công công trình nạo vét thuộc Dự án: Nạo vét, khơi thông



dòng chảy, giảm thiểu ô nhiễm các tuyến kênh, rạch huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn và quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; từ km05+470 đến km06+070 đang thi công công trình Xây dựng cầu Láng Lẻ – Bàu Cò; từ km07+300 đến km08+300 đang thi công công trình Xây dựng cầu Kênh Xáng Ngang thuộc gói thầu XL10: Xây dựng đường Vành đai 3, phương tiện lưu thông qua các khu vực trên bị hạn chế;

- Tuyến Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đại - kênh Tham Lương - rạch Nước Lên đang triển khai Dự án Xây dựng hạ tầng và cải tạo môi trường nước kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên, phương tiện lưu ý tuân thủ theo phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy trên tuyến;

- Tuyến Kênh Thanh Đa: Kè bảo vệ bờ chống sạt lở kênh Thanh Đa (1.1) đoạn từ km00+224 đến km00+685 hiện đang quan trắc tuyến kè, phương tiện thủy lưu thông qua khu vực tuân thủ theo hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và lưu ý không tạo sóng;

- Tuyến Rạch Chiếc - Trau Trầu từ km3+600 đến km10+000 đang thi công công trình duy tu nạo vét luồng, phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế;

- Tuyến Rạch Đồng Trong - Rạch Giồng Ông Tố khu vực cầu Giồng Ông Tố đang cấm luồng từ km01+200 đến km01+500 phục vụ thi công cầu; đoạn từ km05+200 đến 05+600 đang thi công kè bảo vệ bờ dọc tuyến Rạch Đồng Trong;

- Tuyến Sông Tắc đang thi công công trình xây dựng kè bảo vệ bờ sông đoạn tiếp giáp cầu Long Đại thuộc dự án khu dân cư và công viên Phước Thiện từ km10+400 đến km10+800 phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế;

- Tuyến Sông Kỳ Hà đang thi công công trình Xây dựng cầu Kỳ Hà 4 và tuyến nhánh rẽ phải từ cầu Phú Mỹ đi Cát Lái trên rạch Kỳ Hà, thành phố Thủ Đức tại km04+000 (cách cầu Kỳ Hà 2 về hạ lưu 200m) hiện đang cấm luồng;

- Tuyến Rạch Chiếc - Trau Trầu đang thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, hạn chế luồng từ km10+680 đến km10+980;

- Tuyến Rạch Môn - Sông Kinh tại km00+650 đang thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, cấm luồng tại km00+500 và km00+800;

- Tuyến Rạch Cây Cam đang có công trình thi công cầu vượt sông thuộc dự án xây dựng đường Vành Đai 3, cấm luồng từ km14+950 đến km17+500;

- Tuyến Sông Cần Giuộc tại vị trí km02+600 đang thi công công trình Xây dựng cầu Ông Thìn, phương tiện chú ý tuân thủ hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa từ km02+200 đến km03+100;

- Tuyến Rạch Bà Lào (Xà Tồn) - Rạch Ngang đang thi công sửa chữa cửa xả tại lý trình Km03+900 giáp rạch Bà Lào (Xà Tồn) - rạch Ngang thuộc Khu dân cư Nguyên Sơn - Mizuki Park, Xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, phương tiện lưu thông qua khu vực từ km03+850 đến km03+950 bị hạn chế;

- Tuyến Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu đang có công trình thi công cầu Bà Chùa, cấm luồng từ km01+850 đến km02+150;

- Tuyến Ông Lớn 2 - sông Phước Kiểng - Mương Chuối từ km08+043 đến km08+965 đang thi công công trình Xây dựng bờ kè chống sạt lở bờ tả thượng lưu rạch Ông Lớn 2 phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế;

- Tuyến Rạch Tôm (nhánh Phước Kiểng) từ km01+830 đến km02+920 đang thi công công trình Xây dựng kè chống sạt lở bờ tả Rạch Tôm – Sông Phước Kiểng phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế;

- Tuyến Rạch Bến Nghé tại km02+600, tuyến Rạch Tắc Rối tại km00+500, tuyến Rạch Ông lớn 2 - Phước Kiểng - Mương Chuối tại km01+100 đang thi công công kiểm soát triều;

- Tuyến Kênh Tàu Hủ - Lò Gốm (đoạn từ Kênh Ngang số 1 đến ngã ba Kênh Đồi) và toàn tuyến Kênh Ngang số 1, 2, 3 hạn chế lưu thông thủy phục vụ thi công gói thầu F2 "Cải tạo Kênh" thuộc Dự án Cải thiện Môi trường nước Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2;

- Tuyến Rạch Xóm Củi - Gò Nổi đang thi công công trình Nạo vét trục thoát nước rạch Xóm Củi, hạn chế luồng từ ngã ba kênh Đồi đến rạch Bà Lào (từ km00+000 đến km07+200);

- Tuyến Rạch Địa - Rạch Rơi - Sông Phú Xuân đang thi công cầu Phước Long tại km03+700; Đang thi công công kiểm soát triều Phú Xuân tại km01+300; Đoạn từ ngã 3 rạch Ông Lớn đến cầu Rạch Địa 1 đang cấm luồng;

- Tuyến Rạch Dơi - Sông Kinh các phương tiện thủy lưu ý khi lưu thông qua cầu Rạch Dơi tại km08+800 tuân thủ theo hệ thống báo hiệu đường thủy;

- Tuyến Rạch Lá - Tắc Tây Đen khu vực ngã ba Sông Lòng Tàu đến cầu Tắc Tây Đen đang triển khai thi công xây dựng kè chống sạt lở bên phía bờ trái, phương tiện hạn chế lưu thông;

- Tuyến Tắc Sông Chà khu vực ống nước ngầm băng sông tại Km00+600 phải tuyệt đối tuân thủ theo quy tắc và chỉ dẫn của báo hiệu đường thủy nội địa được lắp đặt tại khu vực;

- Tuyến Sông Dinh Bà 2 tại km04+580 đang thi công công trình Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng bến thủy nội địa Tắc xuất - Cần Thạnh phương tiện lưu thông qua khu vực bị hạn chế.

5.2. Trung tâm Quản lý Đường thủy chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu khảo sát luồng tuyến, bãi cạn, mực nước tại báo cáo số 2198/BC-TTQLĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo);
- Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Chi cục ĐTNĐ KVIII;
- Ban ATGT Thành phố;
- Công an Thành phố;
- UBND TP Thủ Đức và các Q-H;
- Cảng vụ Hàng hải TP. HCM;
- Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực III;
- Cơ quan báo, đài (để thông tin);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLĐT, Tân.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Hòa An



TÌNH HÌNH LUỒNG, BÃI CẠN

(Kèm theo Thông báo số 1951/TB-SGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Sở Giao thông vận tải)

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Rạch Láng The - Bến Mương	Km04+500	4,1	70	10h06; 06/12/2024	
		Luồng cạn từ km02+800 đến cuối tuyến	2,1 - 5,0	30 - 80	10h30; 06/12/2024	
		Cầu Bến Mương (Km11+000)	TK: 1	KĐ:6,5		
		Cầu Phước Vĩnh An (Km09+100)	TK: 1	KĐ:8		
2	Kênh Thầy Cai	Km17+900	4,1	80	09h17; 04/12/2024	
		Dây điện cao thế (Km01+400)	TK: 6			
		Cầu Bộ Đội (Km03+ 300)	TK: 2,5	KĐ: 5		
		Cầu Thầy Cai (Km12+400)	TK: 1	KĐ:15		
		Cầu Tân Thái (Km24+100)	TK: 3	KĐ:30		
3	Kênh Địa Phận	Km10+900	6,2	50	08h07; 04/12/2024	
		Luồng cạn toàn tuyến	1,5 - 2,5	40 - 55	13h30; 06/12/2024	
		Cầu Kênh Tân (Km 06+250)	TK: 1	KĐ:8		
		Cầu Láng The (Km 09+500)	TK: 1	KĐ: 7		
4	Rạch Tra	Km10+900	6,2	50	08h07; 04/12/2024	
		Dây điện cao thế (Km 04+900)	TK: 15			
		Cầu Xáng TL15 (Km 06+750)	TK: 3	KĐ: 20		
		Cầu An Hạ (Km10+950)	TK: 3	KĐ: 20		



Handwritten signature in blue ink.

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Luồng cạn từ Km05+500 đến Km11+000	5,9 - 7,0	60 - 80	08h15; 04/12/2024	
5	Kênh An Hạ	Km12+400	5,7	60	10h09; 06/11/2024	
		Dây điện dân sinh (Km11+900)	TK: 2,5			
		Cầu Lớn (Km16+050)	TK: 3	KĐ:26		
		Luồng cạn từ Km00+000 đến Km15+000	3,6 - 5,7	50 - 60	10h20; 06/11/2024	
6	Kênh Xáng An Hạ - Kênh Xáng Lý Văn Mạnh	Km10+700	2,8	26-40	13h05; 05/12/2024	
		Dây điện cao thế (Km01+290)	TK: 6			
		Cầu Tân Nhựt (Km03+400)	TK:2	KĐ:10		
		Cầu Treo Kênh A (Km09+600)	TK: 3,5	KĐ : 20		
		Luồng cạn từ Km04+000 đến Km18+448	2	40	13h07; 05/12/2024	
7	Rạch Cầu Mênh - Bến Cát	Km01+300	1,3	60	10h12; 03/12/2024	
		Cổng Đá Hàn (Km 01+000)	TK: 2,8	KĐ: 5		
		Cầu dân sinh (Km06+100)	TK:0,5	KĐ: 7		
		Cầu Bà Mẫn (Km09+500)	TK:1,8	KĐ:10		
		Dây điện cao thế (Km 01+750)	TK: 6			
		Luồng cạn toàn tuyến	1,2 - 2,4	35 - 85	10h35; 03/12/2024	
8	Sông Vàm Thuật - Bến Cát - Trường Đay - Kênh Tham Lương	Km21+850	0,1	35	09h28; 03/12/2024	
		Cầu Chợ Cầu (Km21+700)	TK: 2,5	KĐ: 15		
		Cầu An Lộc (Km27+620)	TK: 1,8	KĐ: 21		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Đường dây điện (Km27+620)	TK: 6			
		Bãi cạn từ Km15+750 đến Km16+750	0,8	25	09h16; 03/12/2024	
9	Kênh Ngang Số 3	Km00+500	2,9	20	13h51; 05/12/2024	
10	Kênh Ngang Số 2	Km00+100	3,6	20	13h56; 05/12/2024	
11	Rạch Lò Gốm - Ông Buông	Km01+400	2	20	13h40; 05/12/2024	
		Cầu Ông Buông (Km02+800)	TK: 1	KĐ: 6		
		Cầu đi bộ số 1 (Km01+ 100)	TK: 0,7	KĐ: 2,5		
		Luồng cạn toàn tuyến	1,9	7	13h42; 05/12/2024	
12	Kênh Tàu Hũ - Lò Gốm	Km06+500	1,2	20	13h45; 05/12/2024	
		Dây điện cao thế (Km02+700)	TK: 6			
		Luồng cạn từ km00+000 đến km03+900	1,1	9	13h46; 05/12/2024	
13	Rạch Bến Nghé	Km00+150	1,9	50	15h07; 11/12/2024	
		Cầu Calmette	TK: 3,2	KĐ: 25		
		Cầu Khánh Hội (Km 02+900)	TK: 3,2	KĐ: 17		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Luồng cạn toàn tuyến	0,9	18	15h22; 11/12/2024	
14	Kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè	Km03+150	1,9	70	08h20; 11/12/2024	
		Đường dây điện (Km02+700)	TK: 7			
		Hàng cừ bê tông bờ trái từ km03+080 đến km07+250, bờ phải từ km04+460 đến km07+280				
		Cầu Thị Nghè 1 (Km01+200)	TK: 1,7	KĐ: 21		
		Cầu Lê Văn Sĩ (Km06+ 050)	TK: 1	KĐ: 10		
		Luồng cạn từ km04+450 đến cuối tuyến	0,9	12	08h45; 11/12/2024	
15	Kênh Thanh Đa	Km00+700	9,5	70	09h00; 02/12/2024	
		Cầu Kinh Thanh Đa (Km00+750)	TK: 2,7	KĐ: 20		
16	Sông Vĩnh Bình	Km00+500	4,5	60	11h14; 05/11/2024	
		Dây điện cao thế (Km 01+500)	TK: 7	5,6		
		Luồng cạn từ km00+400 đến cuối tuyến	2,6 - 5,1	50 - 70	11h07; 05/11/2024	
17	Rạch Gò Dưa	Km01+150	1,7	25	10h20; 02/12/2024	
		Đường dây điện (Km 02+700)	TK: 3,5			
		Cầu Đường sắt xe lửa (Km00+350)	TK: 1,5	KĐ: 20		



Handwritten signature in blue ink.

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Cầu Bà Cả (Km 03+800)	TK: 0,3	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,7	10	10h42; 02/12/2024	
18	Rạch Chiếc - Trau Trầu	Km02+500	1,8	69	10h30; 12/12/2024	
		Đường dây điện (Km00+560)				
		Cầu Kinh (Km05+715)	TK: 1,5	KĐ: 6		
		Cầu Tăng Long (Km07+240)	TK: 1,2	KĐ: 10		
		Luồng cạn toàn tuyến	1,8	69	10h30; 12/12/2024	
19	Rạch Ông Nhiêu	Km04+000	2,4	94	15h20; 12/12/2024	
		Đường dây điện cao thế (km01+750)	TK: 7			
		Luồng cạn từ km02+400 đến cuối tuyến	1,3	45	15h40; 12/12/2024	
20	Rạch Cây Cam	Km02+100	2,0	29	13h35; 12/12/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km00+650)	TK: 8			
		Cầu Vô Khé (Km 00+600)	TK: 2	KĐ: 15		
		Cầu Lấp (Km03+260)	TK: 0,5	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,8	8	14h00; 12/12/2024	
21	Rạch Môn - Sông Kinh	Km03+400	2,5	50	14h25; 12/12/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km00+650)	TK: 8			

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Cầu Rạch Môn 1 (Km02+560)	TK: 0,5	KĐ: 6		
		Luồng cạn từ km02+500 đến cuối tuyến	1,2	15	14h40; 12/12/2024	
22	Rạch Bà Đa - Rạch Giáng	Km01+500	1,8	50	13h10; 12/12/2024	
		Cầu Đình (Km02+410)	TK: 0,5	KĐ: 3		
		Cầu Cây Me (Km03+260)	TK: 0,5	KĐ: 6		
		Luồng cạn toàn tuyến	1,0	10	13h35; 12/12/2024	
23	Sông Tắc	Km05+000	6,0	192	11h50; 12/12/2024	
		Luồng cạn từ km05+860 đến km09+900	1,7	150	13h00; 12/12/2024	
24	Rạch Bà Cua - Ông Cày	Km01+500	1,9	55	09h35; 12/12/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km01+150)	TK: 7			
		Cầu Bà Cua (Km02+900)	TK: 2	KĐ: 15		
		Cầu Bách Khoa (Ông Kỳ) Km05+350	TK: 1	KĐ: 15		
		Luồng cạn từ km00+600 đến km07+399	0,5	10	10h05; 12/12/2024	
25	Rạch Đồng Trong - Rạch Giồng Ông Tố	Km02+000	2,0	65	14h10; 02/12/2024	
		Cầu Giồng Ông Tố 1 (Km02+050)	TK: 1,5	KĐ: 7,2		

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Vật chướng ngại (Km02+050)	Dài :5	6,7		
		Luồng cạn từ km 01+700 đến km05+572	0,8	10	14h30; 02/12/2024	
26	Sông Kỳ Hà	Km02+100	1,5	55	10h30; 11/12/2024	
		Đường dây điện cao thế (Km02+900)	TK: 7			
		Cầu tạm Balay (Km03+280)	TK: 0,3	KĐ: 6		
		Cầu Mỹ Thủy 1 (Km03+550)	TK: 2	KĐ: 13		
		Luồng cạn km02+400 đến cuối tuyến	0,6	10	11h03; 11/12/2024	
27	Rạch Cá Trê Lớn	Km01+000	1,3	30	09h30; 11/12/2024	
		Đường dây điện (Km 01+000)	TK: 5			
		Cầu Ông Cậy (Km03+470)	TK: 1	KĐ: 12		
		Cầu Cá Trê (Km 00+910)	TK: 1,8	KĐ: 10		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,6	10	09h43; 11/12/2024	
28	Rạch Bà Ty	Km03+500	2,1	10	13h00; 05/12/2024	
		Cầu Kiến Ngang (Km 02+200)	TK: 1	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	2	10	13h01; 05/12/2024	
29	Sông Cần Giuộc	Km02+600	6,1	70	13h31; 05/12/2024	
		Cầu Cần Giuộc (Km 09+950)	TK: 7	KĐ: 30		
30	Rạch Bà Lớn -	Km00+900	2,2	15	14h05;	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Rạch Chồm				05/12/2024	
		Cầu Bà Lớn (Km 02+400)	TK: 2,5	KĐ: 15		
		Luồng cạn từ km02+000 đến km06+100	2,1	15	14h06; 05/12/2024	
31	Rạch Bà Lào (Xà Tồn)- Rạch Ngang	Km01+050	5,8	12	13h08; 17/12/2024	
		Cầu Khu Hải Yến (Km03+600)	TK: 1,2	KĐ: 10		
		Cầu Trắng (Km 05+050)	TK: 1	KĐ: 6		
		Luồng cạn từ km02+600 đến km06+200	2,9	12	13h12; 17/12/2024	
32	Rạch Xóm Cùi - Gò Nổi	Km01+150	4,7	20	15h24; 17/12/2024	
		Dây điện cao thế (Km 00+200)	TK: 6			
		Cầu Xóm Cùi (Km04+800)	TK: 5	KĐ: 15		
33	Tắc Bến Rô	Km00+400	4,5	25	15h16; 17/12/2024	
34	Rạch Chiếu - Cầu Bà Cả	Km01+150	3,1	8	12h58; 17/12/2024	
		Dây điện cao thế (Km00+500)	TK: 6			
		Luồng cạn từ km01+700 đến km03+671	1,9	7	12h59; 17/12/2024	
35	Rạch Tắc Rỏi (Rạch Cầu Kinh)	Km01+000	0,8	30	10h10; 11/12/2024	
		Cầu Bà Cả (Km 03+800)	TK: 0,3	KĐ: 5		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,6	2	10h25; 11/12/2024	



TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
36	Rạch Cà Cắm	Luồng cạn toàn tuyến	1,8	35	14h15; 11/12/2024	
		Cầu Cà Cắm1 (Km 00+200)	TK: 1,5	KĐ: 10		
		Cầu Đa Khoa (Km02+500)	TK: 1	KĐ: 10		
37	Rạch Tam Đệ	Luồng cạn toàn tuyến	0,6	4,5	11h40; 11/12/2024	
38	Rạch Địa - Rạch Roi - Sông Phú Xuân	Km00+450	1,4	100	13h20; 11/12/2024	
		Đường dây điện (Km 02+000)	TK: 6			
		Cầu Phú Xuân (Km01+000)	TK: 3,5	KĐ:22		
		Cầu Rạch Đĩa1 (Km 09+000)	TK: 1,5	KĐ: 20		
		Luồng cạn toàn tuyến	0,7	10	13h35; 12/11/2024	
39	Rạch Tôm (nhánh Phú Xuân - Mương Chuối)	Km02+500	7,9	112	12h20; 17/12/2024	
		Dây điện (Km06+050)	TK: 8			
40	Rạch Ông Lớn 2 - Sông Phước Kiển -Mương Chuối	Km08+900	6,1	63	11h43; 17/12/2024	
		Cầu Long Kiển (Km06+000)	TK: 2	KĐ: 15		
		Cầu Phước Lộc (Km08+850)	TK: 1	KĐ: 10		
		Dây điện cao thế (Km06+050)	TK: 8			
41	Rạch Tôm (nhánh Phước	Km02+600	2,3	62	12h33; 17/12/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Kiềng)	Cầu Rạch Tôm (Km03+200)	TK:2	KĐ: 18		
		Dây điện cao thế (Km03+300)	TK: 8			
		Luồng cạn toàn tuyến	1,9	60	12h35; 17/12/2024	
42	Rạch Bà Chiêm - Bà Chùa - Lấp Dầu	Km00+550	4,4	15	15h45; 17/12/2024	
		Cầu Bà Chiêm 1 (Km00+850)	TK: 0,8	KĐ: 10		
		Dây điện (Km00+100)	TK: 6			
		Luồng cạn toàn tuyến	2,2	6	15h25; 17/12/2024	
43	Rạch Dơi - Sông Kinh	Km01+500	6,2	125	09h35; 17/12/2024	
		Cầu Rạch Dơi (Km08+800)	TK: 3	KĐ:18		
		Dây điện (Km07+800)	TK: 8			
		km05+000 đến km08+940	5,1	80	14h25; 07/12/2024	
44	Rạch Giồng - Kinh Lộ	Km02+600	7,2	137	09h57; 11/12/2024	
45	Rạch Rộp	Km00+350	2,3	50	08h15; 11/12/2024	
		Dây điện (Km02+000)	TK: 7			
		Luồng cạn toàn tuyến	1,8	20	08h35; 11/12/2024	
46	Rạch Đinh - Rạch Mương Lớn	Km04+000	3,7	45	08h55; 11/12/2024	
		Cầu Trạm Xá (Km00+500)	TK: 1	KĐ:10		
		Luồng cạn từ km00+000 đến	2,8	20	09h22; 11/12/2024	

ĐƯỢC
TÀI
10/12/2024

Q

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		km02+850				
47	Tắc Sông Chà	Km00+670	14,3	100	13h52; 17/12/2024	
		Dây điện (Km00+200)	TK: 12			
48	Rạch Tân - Rạch Bông Giếng Lớn	Km04+100	2,5	30	12h40; 17/12/2024	
		Cầu Bông Giếng (Km00+150)	TK: 1,5	KĐ: 20		
		Cầu Kho Đồng (Km04+250)	TK: 1,5	KĐ: 10		
		Luồng cạn Km 0+000 đến Km 3+850	1,1	10	13h27; 17/12/2024	
49	Rạch Lá - Tắc Tây Đen	Km09+850	2,9	45	12h10; 17/12/2024	
		Cầu Rạch Lá (Km04+300)	TK: 3	KĐ: 25		
50	Rạch Tắc Rán	Luồng cạn toàn tuyến	2,7	65	11h20; 17/12/2024	
51	Kênh Bà Tổng	Km02+000	9,7	70	10h00; 17/12/2024	
		Cầu Bà Tổng (Km00+460)	TK: 3,5	KĐ: 25		
52	Tắc Ông Nghĩa	Km03+000	15,1	50	09h30; 17/12/2024	
		Cầu An Nghĩa 2 Km00+780	TK: 3,5	KĐ: 25		
		Đường dây điện Km00+800	TK: 4			
53	Rạch Đôn	Km07+700	7,1	55	10h28; 11/12/2024	
		Dây điện (Km01+000)	TK: 3			
54	Sông Vàm Sát	Km01+500	7,8	98	15h15; 12/12/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
55	Rạch Góc Tre Nhỏ	Km03+000	4,2	30	14h23; 11/12/2024	
		Cầu Nông Thôn (Km02+000)	TK: 1	KĐ: 10		
		Luồng cạn từ km00+000 đến km02+200	1,7	20	14h12; 11/12/2024	
56	Sông Dinh Bà 1 - Lôi Giang	Km01+300	5,2	72	11h18; 11/12/2024	
		Cầu Lôi Giang (Km06+250)	TK: 3,5	KĐ: 25		
		Dây điện (Km06+200)	TK: 3			
		Luồng cạn từ Km02+700 đến Km05+000	4	35	11h07; 11/12/2024	
57	Rạch Tắc Rỏi	Km03+000	20,7	120	09h30; 20/12/2024	
58	Sông Dừa	Km02+000	11,7	120	09h00; 20/12/2024	
59	Tắc Ăn Tết - Tắc Cầu Kho	Km05+000	10,0	60	10h00; 20/12/2024	
		Luồng cạn từ km00 đến km00+322 và km02+017 đến km04+342	3,0	20	10h10; 20/12/2024	
60	Rạch Đuôi Cá	Km03+000	3,1	10	11h00; 20/12/2024	
		Luồng cạn từ km02+132 đến km04+000	2,9		11h10; 20/12/2024	
61	Tắc Bức Mây	Km01+000	3,1	100	11h30; 20/12/2024	
		Luồng cạn từ km00 đến km02+968	2,8	40	11h40; 20/12/2024	
62	Rạch Thiềng Liềng	Km01+000	7,8	120	12h30; 20/12/2024	
		Dây điện ngầm Km 00+250				

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Luồng cạn từ km05+400 đến km07+401	4,4	50	12h40; 20/12/2024	
63	Tắc Đồi Nợ	Km03+000	4,1	27	13h00; 20/12/2024	
64	Rạch Cá Nhán	Km06+000	10,6	120	13h30; 20/12/2024	
		Luồng cạn từ km01+073 đến km03+521	8,4		13h40; 20/12/2024	
65	Rạch Năm Mươi	Km01+000	11,2	70	14h00; 20/12/2024	
66	Sông Thêu	Km04+000	8,5	120	14h30; 20/12/2024	
		Dây điện ngầm Km 01+200				
67	Rạch Mồng Gà - Móc Mu	Km03+000	6,4	120	13h00; 18/12/2024	
		Luồng cạn từ Km03+700 đến Km05+200	6,5	20	13h15; 18/12/2024	
68	Tắc Cống	Km05+000	5,2	50	14h30; 18/12/2024	
		Luồng cạn từ km01+975 đến km05+775	5,2	30	14h35; 18/12/2024	
69	Sông Ông Tiên - Cá Gau	Km01+000	15,3	89	11h30; 18/12/2024	
70	Sông Mừng Năm - Tắc Ăn Chè	Km01+000	8,6	80	11h00; 17/12/2024	
71	Sông Dân Xây	Km01+000	5,7	49	10h30; 17/12/2024	
		Cầu Dân Xây (Km00+420)	TK: 6,5	KĐ:40		
		Đường dây điện Km00+400	TK: 25			
		Luồng cạn từ km01+195 đến km03+809	5,6	50	10h35; 17/12/2024	

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
72	Sông Dinh Bà	Km04+500	8,2	120	11h42; 11/12/2024	
73	Sông Lò Rèn	Km01+350	6,2	91	13h10; 11/12/2024	
74	Rạch Tràm - Kênh Kê	Km01+450	5	50	12h25; 11/12/2024	
		Luồng cạn từ km03+150 đến km05+832	2,9	35	12h13; 11/12/2024	
75	Sông Cát Lái - Vàm Sát	Km10+100	8,7	110	13h22; 12/12/2024	
76	Sông Cá Nhám Lớn - Rạch Cá Nhám Lớn	Km01+000	3,8	30	11h05; 12/12/2024	
		Cầu Nông Thôn (Km01+200)	TK: 2	KĐ: 10		
		Luồng cạn từ km01+400 đến km06+608	3,2	40	11h45; 12/12/2024	
77	Sông Mũi Nai	Km06+000	11,3	120	13h00; 17/12/2024	
78	Sông Đồng Tranh 2	Km04+000	12,9	120	13h30; 17/12/2024	
79	Sông Lò Vôi	Km13+000	5,3	16	12h00; 18/12/2024	
		Luồng cạn từ Km08+100 đến Km09+800	2,6	20	12h15; 18/12/2024	
80	Sông Đồng Đình - Bãi Tiên	Km01+000	6,3	120	10h00; 18/12/2024	
81	Sông Dinh Bà 2	Km01+000	5,6	53	10h30; 18/12/2024	
82	Sông Hà Thanh - Đồng Hòa	Km09+000	6,9	60	15h30; 18/12/2024	
		Cầu Hà Thanh (Km 04+450)	TK: 3,5	KĐ: 25		
		Đường dây điện (Km 04+450)	TK: 6			

TT	Sông	Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện...	Tình hình luồng			Ghi chú
			Độ sâu (h) hoặc chiều cao tĩnh không (Hk)	Chiều rộng (B)	Ngày đo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Đường dây điện (Km 04+400)	TK: 6			
83	Rạch Long Thạnh	Luồng cạn toàn tuyến	3,0	15	13h30; 18/12/2024	
84	Rạch Đào 1	Km01+000	1,1	50	11h25; 02/12/2024	
85	Rạch Đào 2	Km01+000	1,1	61	11h40; 02/12/2024	

*Ghi chú:

- Độ sâu (h) là chiều cao cột nước tại thời điểm đo ở cột (6) tính từ đáy luồng lên mặt nước.
- Bề rộng (B) là chiều rộng luồng đo tại vị trí bất lợi nêu tại cột (3).
- Chiều cao tĩnh không là chiều cao tính từ đáy dầm tại khoang thông thuyền đến mặt nước theo mực nước ứng với tần suất mực nước cao P(5%) trên đường tần suất lũy tích mực nước giờ trong 10 năm gần nhất.
- Số liệu trong cột (4), cột (5) đơn vị tính bằng mét (m).

Phụ lục 2

TÌNH HÌNH MỰC NƯỚC

(Kèm theo Thông báo số 1795/TB-SGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Sở Giao thông vận tải)

T T	Sông	Trạm chính	Mực nước lớn nhất (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất (Hmin)	
			Mực nước (m)	Thời gian	Mực nước (m)	Thời gian
1	Sài Gòn	Phú An	1,66	18h00; 16/12/2024	-1,78	11h00; 16/12/2024
2	Rạch Dơi - Sông Kinh	Nhà Bè	1,60	16h12; 15/12/2024	-1,99	10h00; 16/12/2024

*Ghi chú:

- Số liệu lấy từ Bảng thủy triều dự báo tháng 12 năm 2024 của Viện Kỹ thuật Biển.

- Mực nước lớn nhất (Hmax) là cao độ (tính theo hệ Hòn Dấu) có trị số lớn nhất của mặt nước đo đạc được trong tháng được lấy từ Bảng thủy triều dự báo tháng 12 năm 2024 của Viện Kỹ thuật Biển.

- Mực nước nhỏ nhất (Hmin) là cao độ (tính theo hệ Hòn Dấu) có trị số nhỏ nhất của mặt nước đo đạc trong tháng được lấy từ Bảng thủy triều dự báo tháng 12 năm 2024 của Viện Kỹ thuật Biển.

